

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày 03 – 3 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 539/2020/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Nh, sinh năm 1990 – vắng mặt

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1992 – vắng mặt

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Anh Nh và chị Tr cưới nhau vào năm 2012, hôn nhân do quen biết, hai bên tự nguyện với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B. Thời gian vợ chồng sống hạnh phúc khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến mất hạnh phúc: Anh Nh trình bày do anh chị thường xuyên bất đồng ý kiến, quan điểm sống khác nhau. Anh Nh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tr.

- Về con chung: Anh Nh và chị Tr có một người con chung tên là Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/01/2013, hiện nay do anh Nh nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Nh yêu cầu:

- Về hôn nhân: Anh Nh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều Tr.

- Về con chung: Anh Nh yêu cầu nuôi con chung là Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/01/2013, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Tr: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 196, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho chị Tr, nhưng chị Tr không có ý kiến gì bằng văn bản và vắng mặt đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm d khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đã được Tòa án công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 07/01/2021.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Về hôn nhân: Căn cứ vào Chứng nhận kết hôn giữa Trần Văn Nh với chị Nguyễn Thị Kiều Tr được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B cấp ngày 27/12/2012 thì anh Nh với Tr là hôn nhân hợp pháp.

+ Về con chung: Căn cứ vào bản sao Giấy khai sinh được Ủy ban nhân dân xã A, huyện B cấp ngày 25/01/2013 thì cháu Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/01/2013 là con chung của anh Nh và chị Tr.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cho chị Tr, nhưng chị Tr không có ý kiến gì bằng văn bản và qua hai lần tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì chị Tr cũng không tham dự nên không xác định được sự thống nhất và không thống nhất của các đương sự trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ và trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện của anh Nh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Tam Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn là chị Tr, nhưng chị Tr vẫn vắng mặt cả hai lần không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Tr.

Ngày 09/11/2020, anh Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt anh Nh. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nh.

[2]. *Về yêu cầu khởi kiện:*

- Về hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của anh Nh với chị Tr là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Nh và chị Tr là do anh chị thường xuyên bất đồng ý kiến, quan điểm sống khác nhau. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không tự đoàn tụ được với nhau. Xét thấy, hôn nhân giữa anh Nh và chị Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nh với chị Tr; cho anh Nh được ly hôn với chị Tr.

- Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Nh là cháu Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/01/2013, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi anh Nh và chị Tr ly thân với nhau cháu Kh do anh Nh nuôi dưỡng; mặc khác tại bản tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2020 thì cháu Kh có nguyện vọng sống với anh Nh sau khi anh và chị Tr ly hôn với nhau. Nhằm tránh

xáo trộn và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu Kh, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Kh cho anh Nh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 2, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Văn Nh.

1.1. Về hôn nhân: Anh Trần Văn Nh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kiều Tr.

1.2. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Đăng Kh, sinh ngày 20/01/2013 cho anh Nh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Tr không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nh phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, được khấu trừ hết vào số tạm ứng án phí anh Nh đã

nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số N_o 0010660 ngày 12/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên anh Nh không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nh và chị Tr vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- UBND xã A, huyện B;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh